

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DS-ST

Ngày: 30-5-2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pì Sách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Phương Lan;
2. Ông Nguyễn Văn Kiện.

Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2019/TB-TA ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ**

Địa chỉ: Tháp B, số 35 H, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công N, chức vụ: Quyền Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ– Chi nhánh Kiên Giang.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Phúc H, Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ –Phòng giao dịch huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo văn bản ủy quyền ngày 22/11/2017.

Địa chỉ: Số 609, khu phố M, thị trấn M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Ông H có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Lâm Bá Đ**, sinh năm 1952 (Vắng mặt)

2.2. Bà **Phùng Lệ D**, sinh năm 1959 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh **Lâm Bá T**, sinh năm 1980;

3.2. Chị **Lâm Thị T**, sinh năm 1982;

3.3. Chị **Lâm Mỹ H**, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh T, chị T, chị H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/9/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (Ngân hàng TMCP Đ) trình bày như sau:

Vào ngày 20/7/2012, ông Lâm Bá Đ, bà Phùng Lệ D có ký Hợp đồng tín dụng số T.A.0214.12HĐTD với Ngân hàng TMCP P (Nay là Ngân hàng Đ) vay số tiền là 500.000.000đ và thỏa thuận lãi suất cho vay thả nổi, lãi suất tại thời điểm nhận nợ là 1,517%/tháng đã điều chỉnh còn 1,125%/tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời gian vay vốn là 60 tháng, kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2012 đến ngày 20 tháng 7 năm 2017. Mục đích vay vốn: Đầu tư xây dựng chuồng nuôi heo, đào ao nuôi cá.

Hình thức đảm bảo nợ vay theo hợp đồng thế chấp số 0713.12/HĐTC ngày 20/7/2012 gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M992354 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 29/10/1998, thửa số 1059, tờ bản đồ số 6, tổng diện tích 1.167m² do hộ ông (bà) Lâm Bá Đ đứng tên chủ sở hữu;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M992355 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 29/10/1998, thửa số 1173, tờ bản đồ số 6, tổng diện tích 6.533m² do hộ ông (bà) Lâm Bá Đ đứng tên chủ sở hữu;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M992356 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 29/10/1998, thửa số 1174, tờ bản đồ số 6, tổng diện tích 8.350m² do hộ ông (bà) Lâm Bá Đ đứng tên chủ sở hữu;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M992357 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 29/10/1998, thửa số 1697, tờ bản đồ số 6, tổng diện tích 321m² do hộ ông (bà) Lâm Bá Đ đứng tên chủ sở hữu;

Cả 04 thửa đất trên cùng tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và toàn bộ tài sản trên đã được Văn phòng công chứng Rạch Sỏi chứng thực

ngày 20/7/2012 và được đăng ký thế chấp ngày 20/7/2012 tại Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trong thời gian vay vốn ông Đ, bà D có thanh toán cho Ngân hàng được số tiền gốc là 294.000.000đồng cụ thể như sau: Lần 1: Vào ngày 31/7/2013 thanh toán 44.000.000 đồng; Lần 2: Vào ngày 20/01/2014 thanh toán 10.000.000đồng; Lần 3: Vào ngày 27/3/2017 thanh toán 20.000.000đồng; Lần 4: Vào ngày 24/11/2017 thanh toán 20.000.000đồng; Lần 5: Vào ngày 19/10/2018 thanh toán 50.000.000đồng; Lần 6: Vào ngày 22/4/2019 thanh toán 150.000.000đồng. Còn tiền lãi thanh toán đến ngày 14/10/2015 là 141.175.500 đồng.

Hiện nay ông Đ, bà D còn nợ lại là 206.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 30/5/2019 là 357.581.803 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 563.581.803 đồng chưa thanh toán.

Do ông Đ, bà D chưa thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo như thỏa thuận trong hợp đồng do đó ông Đ, bà D đã vi phạm Hợp đồng đã ký nên Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện ra Tòa án.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu:

1. Buộc ông Đ, bà D thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay gốc là 206.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 30/5/2019 là 357.581.803 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 563.581.803đồng (Năm trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm tám mươi một ngàn, tám trăm lẻ ba đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 31/5/2019 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

2. Trường hợp ông Đ, bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, yêu cầu cơ quan pháp luật phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp của bên vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- *Tại bản tự khai ngày 15/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lâm Bá Đ và bà Phùng Lệ D trình bày tại Tòa án như sau:* Ông Đ, bà D thừa nhận ông bà có ký Hợp đồng tín dụng số T.A.0214.12 HĐTD ngày 20/7/2012 với Ngân hàng TMCP P (Nay là Ngân hàng Đ) vay số tiền là 500.000.000đ và thỏa thuận lãi suất cho vay thả nổi, lãi suất tại thời điểm nhận nợ là 1,517%/tháng đã điều chỉnh còn 1,125%/tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời gian vay vốn là 60 tháng, kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2012 đến ngày 20 tháng 7 năm 2017. Mục đích vay vốn: Đầu tư xây dựng chuồng nuôi heo, đào ao nuôi cá.

Ông bà có ký hợp đồng thế chấp số 0713.12/HĐTC ngày 20/7/2012 để thế chấp tài sản đảm bảo hợp đồng vay gồm các tài sản sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M992354 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 29/10/1998, thửa số 1059, tờ bản đồ số 6, tổng diện tích 1.167m² do hộ ông (bà) Lâm Bá Đ đứng tên chủ sở hữu;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M992355 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 29/10/1998, thửa số 1173, tờ bản đồ số 6, tổng diện tích 6.533m² do hộ ông (bà) Lâm Bá Đ đứng tên chủ sở hữu;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M992356 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 29/10/1998, thửa số 1174, tờ bản đồ số 6, tổng diện tích 8.350m² do hộ ông (bà) Lâm Bá Đ đứng tên chủ sở hữu;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M992357 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 29/10/1998, thửa số 1697, tờ bản đồ số 6, tổng diện tích 321m² do hộ ông (bà) Lâm Bá Đ đứng tên chủ sở hữu;

Cả 04 thửa đất trên cùng tạo lại tại ấp M, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và toàn bộ tài sản trên đã được Văn phòng công chứng Rạch Sỏi chứng thực ngày 20/7/2012 và được đăng ký thế chấp ngày 20/7/2012 tại Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trong thời gian vay vốn ông, bà có thanh toán cho Ngân hàng được số tiền gốc là 294.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 14/10/2015 là 141.175.500 đồng thì ngưng đến nay chưa thanh toán. Do trong quá trình vay vốn gia đình gặp khó khăn về kinh tế nên ông bà không có khả năng thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo như thỏa thuận hợp đồng đã ký kết. Hiện nay ông bà còn nợ số tiền gốc tính đến ngày 30/5/2019 là 206.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/5/2019 là 357.581.803 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 563.581.803 đồng (Năm trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm tám mươi một ngàn, tám trăm lẻ ba đồng).

Tại phiên tòa, ông Lâm Bá Đ vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Bá T, chị Lâm Thị T, chị Lâm Mỹ H: Vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng pháp luật tố tụng xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T, chị T, chị H không có mặt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định

hoãn phiên tòa của Tòa án. Như vậy, việc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được xem là bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng số T.A.0214.12/HĐTD ngày 20/7/2012 và hợp đồng thế chấp tài sản số 0713.12/HĐTC ngày 20/7/2012 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Lâm Bá Đ, bà Phùng Lê D thể hiện nội dung: Ngân hàng TMCP Đ có cho ông Đ, bà D vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay là đầu tư xây dựng chuồng nuôi heo, đào ao nuôi cá, thời hạn vay là 60 tháng, có thế chấp tài sản là 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M992354, M992355, M992356, M992357 do UBND huyện Châu Thành cấp cùng ngày 29/10/1998 nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản) theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015).

[3] *Về thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ đơn khởi kiện và nội dung thỏa thuận tại khoản 10.2 Điều 10 Hợp đồng tín dụng số T.A.0214.12/HĐTD ngày 20/7/2012 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung*: Xét hợp đồng tín dụng số T.A.0214.12/HĐTD ngày 20/7/2012 được giao kết giữa TMCP Đ với ông Lâm Bá Đ, bà Phùng Lê D đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ, bà D đã thanh toán được cho Ngân hàng được số tiền vay gốc là 294.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 14/10/2015 là 141.175.500 đồng. Hiện nay ông Đ, bà D còn nợ lại là 206.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 30/5/2019 là 357.581.803 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 563.581.803 đồng, như vậy ông Đ, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà D phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/5/2019 là 563.581.80 đồng (Năm trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm tám mươi một ngàn, tám trăm lẻ ba đồng), trong đó nợ gốc là 206.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 30/5/2019 gồm trong hạn 274.945.022 đồng và lãi quá hạn là 82.636.781 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 0713.12/HĐTC ngày 20/7/2012 giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Đ, bà D được ký kết với người có thẩm quyền, đúng thủ tục

và được đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Theo đó, ông Đ, bà D đã dùng tài sản gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M992354 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 29/10/1998, thửa số 1059, tờ bản đồ số 6, tổng diện tích 1.167m² do hộ ông (bà) Lâm Bá Đ đứng tên chủ sở hữu;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M992355 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 29/10/1998, thửa số 1173, tờ bản đồ số 6, tổng diện tích 6.533m² do hộ ông (bà) Lâm Bá Đ đứng tên chủ sở hữu;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M992356 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 29/10/1998, thửa số 1174, tờ bản đồ số 6, tổng diện tích 8.350m² do hộ ông (bà) Lâm Bá Đ đứng tên chủ sở hữu;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M992357 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 29/10/1998, thửa số 1697, tờ bản đồ số 6, tổng diện tích 321m² do hộ ông (bà) Lâm Bá Đ đứng tên chủ sở hữu;

Cả 04 thửa đất trên cùng tạo lập tại ấp M, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Nay ông Đ, bà D không thanh toán nợ nên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán nghĩa vụ trả nợ.

[4] Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 31/5/2019 cho đến khi ông Đ, bà D trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số T.A.0214.12/HĐTD ngày 20/7/2012.

[5] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Thành T, chị Lâm Thị T, chị Lâm Mỹ H là thành viên trong hộ gia đình ông Đ, bà D. Xét quá trình giải quyết vụ án, anh T, chị T, chị H đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ chứng minh về tài sản thế chấp nên không xem xét trong vụ án này, nếu các bên có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ; buộc ông Đ, bà D trả tiền vay gốc là 206.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử 30/5/2019 là 357.581.803 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 563.581.803 đồng cho Ngân hàng TMCP Đ.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ chấp nhận.

[8] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn ông Đ, bà D phải chịu án phí dân sự

sơ thẩm có giá ngạch đối với số nợ phải trả cho Ngân hàng là: 563.581.803 đồng = 20.000.000 đồng + 4% (563.581.803đ - 400.000.000đ) = 26.543.272 đồng.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào Điều 474 và Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2005 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

2. Buộc ông Lâm Bá Đ và bà Phùng Lệ D có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số T.A.0214.12/HĐTD ngày 20/7/2012 tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 30/5/2019 là 563.581.803 đồng (Năm trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm tám mươi một ngàn, tám trăm lẻ ba đồng), trong đó nợ gốc là 206.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 274.945.022 đồng và lãi quá hạn là 82.636.781 đồng.

Trường hợp ông Đ, bà D không thanh toán nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0713.12/HĐTC ngày 20/7/2012.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 31/5/2019 cho đến khi ông Đ, bà D trả xong các khoản nợ mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số T.A.0214.12/HĐTD ngày 20/7/2012. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Bá Đ, bà Phùng Lệ D phải có trách nhiệm nộp án phí 26.543.272 đồng.

Ngân hàng TMCP Đ được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 15.050.000 đồng (Mười lăm triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003690 ngày 23/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Xuân

[3] Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hứa Kim Phan và ông Hứa Hưng xác nhận đối với số tiền nợ mà bà Huỳnh Ghét vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam là nợ riêng của bà Ghét nên bà Ghét tự chịu trách nhiệm thanh toán còn phần tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 1.248m², thửa số 497, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu phố Minh Phú, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AB 568552 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 05/8/2005 cho bà Huỳnh Ghét đứng tên chủ sở hữu là tài sản cá nhân của bà Ghét và bà Ghét được tự quyền định đoạt, bà Phan, ông Hưng không tranh chấp và cũng

không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX xét thấy đối với khoản nợ Ngân hàng khởi kiện của bà Ghét là nợ cá nhân của bà Ghét, không liên quan đến bà Phan, ông Hưng nên bà Ghét có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng là phù hợp theo quy định pháp luật.